TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 88/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình.

2. Ông Mai Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 141/2024/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 151/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 77/2024/QĐ-TĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số B - B, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; *Chức vụ:* Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Trọng T, sinh năm 1989; *Chức vụ:* Trưởng phòng G (Văn bản uỷ quyền ngày 25/12/2023).

Người được uỷ quyền lại: Ông Huỳnh Quốc K, sinh năm 1992; Chức vụ: Phó phòng G (Văn bản uỷ quyền ngày 29/12/2023).

Nơi làm việc: Số E, ĐT. 766, thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1988 và bà Trần Thị Diễm M, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Số A, đường C, khu phố I, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn M1, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Số A, đường C, khu phố I, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Lâm Thị M2, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Lâm H1, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Số C, đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, có mặt người được uỷ quyền lại của nguyên đơn; vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, người được uỷ quyền lại của nguyên đơn là ông Huỳnh Quốc K trình bày: Vào ngày 21/4/2023, ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh B – Phòng G có ký với vợ chồng ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M hợp đồng tín dụng số 202327078459 ngày 21/4/2023 với số tiền vay là 1.100.000.000 đồng, giải ngân ngày 21/4/2023, thời hạn vay 1 năm, trả gốc cuối kỳ, trả lãi hàng tháng, lãi suất tại thời điểm vay là 13,5%/năm, lãi suất vay điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi chậm trả là 10%/năm. Hiện nay, khoản vay đã quá hạn từ ngày 20/4/2024 nhưng phía bị đơn vẫn chưa trả cho ngân hàng số tiền nợ vay 1.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 34.171.296 đồng, lãi quá hạn 74.046.575 và tiền lãi chậm trả 1.497.783 đồng.

Ngoài ra, ông Trần Quốc H còn ký với ngân hàng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2018 với hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng. Đến nay ngày 29/8/2024, tổng nợ là 17.377.333 đồng (Trong đó, dư nợ là 15.204.199 đồng và lãi là 2.173.134 đồng).

Để đảm bảo trả nợ cho 02 khoản vay trên, ngân hàng và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 111ĐL/2018/TC ngày 19/6/2018 và thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 03-111ĐL/2018/TC ngày 21/4/2023 để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của diện tích 533m^2 thuộc thửa số 205A, tờ bản đồ số 03A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 733909 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/11/2008 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Văn M1. Việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/6/2018 tại chi nhánh văn phòng Đ.

Ông yêu cầu vợ chồng ông H và bà M phải trả cho ngân hàng TMCP S số tiền nợ vay và nợ lãi như trên. Ông H và bà M còn phải tiếp tục chịu lãi, phí theo mức lãi suất, phí quy định tại các hợp đồng tín dụng từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả xong tiền nợ vay. Trường hợp vợ chồng ông H và bà M không tự nguyện trả nợ thì ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đang thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, ngân hàng TMCP S đã chi tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M phải trả lại cho ngân hàng số tiền 900.000 đồng.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2024, bị đơn ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M trình bày: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả số tiền gốc và lãi tạm tính tới ngày 18/4/2024 là 1.122.668.238 đồng thì ông bà đồng ý trả. Khi vay, ông bà có thế chấp cho ngân hàng diện tích 533m^2 thuộc thửa số 205A, tờ bản đồ số 03A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 733909 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/11/2008 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Văn M1.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2024, ông H trình bày: Khi vay số tiền 1.100.000.000 đồng thì ông đã báo cho ông M1 và bà M2 biết; ông M1 và bà M2 cũng đồng ý việc vay tiền.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M1 trình bày: Vào ngày 11/3/2018, ông, bà Lâm Thị M2 và con gái là Trần Thị Lâm H1 có ký hợp đồng ủy quyền cho con trai là Trần Quốc H đối với diện tích đất 533m^2 thuộc thửa số 205A, tờ bản đồ số 03A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 733909 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/11/2008 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Văn M1 để cho ông H thế chấp quyền sử dụng đất nhằm mục đích đảm bảo khoản vay tại ngân hàng. Hợp đồng ủy quyền đã được công chứng tại văn phòng C ngày 11/6/2018. Thời hạn ủy quyền là 05 năm, kể từ ngày ký hợp đồng 11/3/2018. Đến nay, đã hết thời hạn 05 năm của giấy ủy quyền, do vợ chồng H và M không trả được nợ nên ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp là diện tích đất 533m^2 thuộc thửa số 205A, tờ bản đồ số 03A của ông là không đúng nên ông không đồng ý. Nhưng vì tình cảm gia đình, ông vẫn đồng ý bán đất để trả nợ cho ông H và bà M nhưng không được ép buộc ông phải bán lúc này vì giá đất bây giờ đang xuống thấp, việc tìm kiếm người mua khó khăn.

Tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất, hộ gia đình ông gồm có 04 thành viên là ông, bà Lâm Thị M2, con gái Trần Thị Lâm H1 và con trai Trần Quốc H.

* Tại Công văn số 1473/CAĐL-QLHC ngày 26/6/2024 của công an huyện Đ, thể hiện: Tại hồ sơ cư trú công an huyện không có tài liệu thể hiện các nhân khẩu trong hộ ông Trần Văn M1 tại thời điểm ngày 10/11/2008.

* Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2024 đối với diện tích 533m^2 thuộc thửa số 205A, tờ bản đồ số 03A, thể hiện:

- Trên thửa đất có 01 căn nhà cấp 4, mái hiên lợp ngói, nhà lợp tôn, nền láng xi măng phần nhà trên, phần nhà dưới lót gạch men, nhà xây dựng năm 2003;

- Phía sau căn nhà là phần diện tích đất trống, hai bên ranh được rào bằng cột bê tông, kéo lưới B40;

- Cây trồng trên đất gồm có 02 cây xoài, 01 cây dừa và 05 cây mai;

- 01 bảng hiệu bán cá giống gắn trên đất;

- Thửa đất và tài sản gắn liền trên đất do ông Trần Văn M1, ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M đang ở và quản lý, sử dụng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia nên không hòa giải được.

* Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M phải trả cho ngân hàng TMCP S số tiền 1.227.092.987 đồng. Ông H và bà M còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả xong tiền nợ vay. Trường hợp vợ chồng ông H và bà M không tự nguyện trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đang thế chấp để thu hồi nợ. Buộc vợ chồng ông H và bà M phải trả lại cho ngân hàng TMCP S 900.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên toà, có mặt người được uỷ quyền lại của nguyên đơn. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp; phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M1 cũng thừa nhận có vay tiền và thế chấp tài sản cho nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 21/4/2023, ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh B – Phòng G đã ký với vợ chồng ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M hợp đồng tín dụng số 202327078459 ngày 21/4/2023 với số tiền vay là 1.100.000.000 đồng, giải ngân ngày 21/4/2023, thời hạn vay 1 năm, trả gốc cuối kỳ, trả lãi hàng tháng, lãi suất tại thời điểm vay là 13,5%/năm, lãi suất vay điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi chậm trả là 10%/năm. Hiện nay, khoản vay đã quá hạn từ ngày 20/4/2024 nhưng phía bị đơn vẫn chưa trả cho ngân hàng số tiền nợ vay 1.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 34.171.296 đồng, lãi quá hạn 74.046.575 và tiền lãi chậm trả 1.497.783 đồng.

Ông Trần Quốc H còn ký với ngân hàng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2018 với hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng. Đến nay ngày 29/8/2024, tổng nợ là 17.377.333 đồng (Trong đó, dư nợ là 15.204.199 đồng và lãi là 2.173.134 đồng).

Để đảm bảo trả nợ cho 02 khoản vay trên, ngân hàng và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 111ĐL/2018/TC ngày 19/6/2018 và thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 03-111ĐL/2018/TC ngày 21/4/2023 để thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 533m^2 thuộc thửa số 205A, tờ bản đồ số 03A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 733909 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/11/2008 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Văn M1. Việc thế chấp quyền sử dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/6/2018 tại chi nhánh văn phòng Đ.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

Khoản 1, 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, quy định:

"*1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật."

Lãi suất, phí nguyên đơn yêu cầu phù hợp với lãi suất, phí do các bên thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng nên được chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ vay và nợ lãi như trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp

nhận. Ông H và bà M còn phải tiếp tục chịu lãi, phí theo mức lãi suất, phí quy định tại các hợp đồng tín dụng từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả xong tiền nợ vay.

[2.3] Về biện pháp bảo đảm: Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 111ĐL/2018/TC ngày 19/6/2018 và thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 03-111ĐL/2018/TC ngày 21/4/2023, hợp đồng uỷ quyền ngày 11/6/2018 từ ông Trần Văn M1, bà Lâm Thị M2 và bà Trần Thị Lâm H1 sang cho ông Trần Quốc H vẫn còn hiệu lực nên việc ký kết hợp đồng thế chấp là đúng quy định. Việc thế chấp quyền sử dụng đất của các bên đã được công chứng, chứng thực tại văn phòng công chứng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực.

Trường hợp vợ chồng ông H và bà M không tự nguyện trả hết nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đang thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất của diện tích 533m^2 thuộc thửa số 205A, tờ bản đồ số 03A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 733909 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/11/2008 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Văn M1 để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp 900.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 900.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 157, 158, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 138, 140, 141, 317, 318, 319, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1, 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1/ Buộc ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M phải trả cho ngân hàng TMCP S số tiền 1.227.092.987 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng). Cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 202327078459 ngày 21/4/2023: Ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M phải trả cho ngân hàng TMCP S tiền nợ vay 1.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 34.171.296 đồng, lãi quá hạn 74.046.575 và tiền lãi chậm trả 1.497.783 đồng.

Kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 202327078459 ngày 21/4/2023.

+ Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2018: Ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M phải trả cho ngân hàng TMCP S tổng nợ là 17.377.333 đồng (Trong đó, dư nợ là 15.204.199 đồng và lãi là 2.173.134 đồng).

Kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M còn phải tiếp tục chịu lãi, phí theo mức lãi suất, phí được quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2018.

1.2/ Trường hợp ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M không tự nguyện trả hết nợ thì ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đang thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất của diện tích 533m^2 thuộc thửa số 205A, tờ bản đồ số 03A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 733909 do UBND huyện Đ cấp ngày 10/11/2008 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Văn M1 để thu hồi nợ.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M phải hoàn trả cho ngân hàng TMCP S 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí DSST:

Ông Trần Quốc H và bà Trần Thị Diễm M phải chịu 48.813.000 đồng (Bốn mươi tám triệu tám trăm mười ba nghìn đồng) án phí DSST, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả 22.889.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004374 ngày 02/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Nghĩa